

Bản án số: 92/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 16 – 9 – 2022.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị Sà B, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp N 1, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp N 1, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Sà B trình bày:

Vào năm 2007, bà Lý Thị Sà B và bà Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/9/2007. Sau khi kết hôn bà và ông B sống hạnh phúc được một thời gian dài nhưng sau đó đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà và ông B có 01 (một) người con chung tên Trần Văn B, sinh ngày 21/9/2008, hiện đang chung sống với bà. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 9 năm 2022, bà Lý Thị Sà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Trần Văn B; về con chung: Xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Văn B, sinh ngày 21/9/2008 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn B:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông B, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị Sà B.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Trần Văn B, sinh ngày 21/9/2008 cho bà Lý Thị Sà B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lý Thị Sà B không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sà B xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn B không có tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lý Thị Sà B xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn B không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn B từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông B nhưng ông không có ý

kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Sà B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B và ông B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Sà B xác định bà và ông Trần Văn B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 26/9/2007. Hôn nhân của bà B và ông B tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông B là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2022, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B với lý do trong quá trình chung sống đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông B sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Từ khi bà B chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Trần Văn B, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông B biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Sà B được ly hôn với ông Trần Văn B.

[3]. Về con chung: Bà Lý Thị Sà B xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn B có 01 (một) người con chung tên Trần Văn B, sinh ngày 21/9/2008, hiện nay cháu B đang sống chung với bà B. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2022, bà B xác định từ khi bà và ông B sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, hiện cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà B và ông B đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu B sống chung với bà B, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu B thì nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với bà B. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu B cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn B mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Sà B không có yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Sà B xác định bà và ông Trần Văn B không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Sà B xác định bà và ông Trần Văn B không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bà Lý Thị Sà B phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Nhưng bà B là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồng thời bà B có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên bà B được miễn án phí sơ thẩm; ông Trần Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lý Thị Sà B được ly hôn với ông Trần Văn B.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:
 - + Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn B, sinh ngày 21/9/2008 cho bà Lý Thị Sà B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn B mà không ai được ngăn cản.
 - + Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Sà B không có yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sà B xác định bà và ông Trần Văn B không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lý Thị Sà B xác định bà và ông Trần Văn B không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Sà B và ông Trần Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Phú;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo